

Bản án số: 214/2022/HS-PT

Ngày 14 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Thanh Nữ;

Ông Dương Lê Bửu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo Lương Bảo Thành N và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 213/2022/HS-ST ngày 27-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lương Bảo Thành N, sinh ngày 08-8-2003 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27295295x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30-11-2019; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Thế B (đã chết) và bà Huỳnh Thị Minh T; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Đăng K, sinh ngày 01-4-2001 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27277104x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31-7-2015; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp U, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam;

nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Anh H và bà Lê Thúy H; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

3. Huỳnh Tấn H, sinh ngày 12-11-1995 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Giấy chứng minh nhân dân số: 27363812x, do Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 08-11-2012; nơi đăng ký thường trú: Số U, đường L, Phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn H và bà Trương Thị Thanh N; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

4. Đỗ Anh V, sinh ngày 02-9-2002 tại Kiên Giang; Giấy chứng minh nhân dân số: 37200802x, do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17-7-2017; nơi đăng ký thường trú: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị N; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

5. Đoàn Minh N, sinh ngày 27-8-2003 tại Tiền Giang; Giấy chứng minh nhân dân số: 31257212x, do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18-6-2018; nơi đăng ký thường trú: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp U, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Ê và bà Bùi Thị Q; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Minh T, sinh ngày 28-01-2000 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27280071x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20-11-2015; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp U, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

7. Ngô Hoàng P, sinh ngày 13-5-2003 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07520302075x, cấp ngày 31-8-2021; nơi đăng ký thường trú: Khu phố Long Khánh U, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp:

Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Thành T và bà Trần Thị Thanh K; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Công H, sinh ngày 12-12-2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng minh nhân dân số: 21246423x, do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 17-4-2017; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện Nghĩa H tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Số U, Khu phố U, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không rõ cha, mẹ tên Phạm Thị D; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

9. Đặng Ngọc B, sinh ngày 05-8-2003 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07520300374x, cấp ngày 19-4-2021; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ V, Ấp R, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Trần Thị X; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

10. Trần Vinh Q, sinh ngày 26-5-2001 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27278830x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16-5-2019; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp Q, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu P (đã chết) và bà Nguyễn Thị G; có vợ tên Đặng Kim N và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

11. Lê Thanh N, sinh ngày 20-01-2002 tại Kiên Giang; Giấy chứng minh nhân dân số: 37201636x, do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12-3-2019; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh K; nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không rõ cha, mẹ tên Lê Thị N; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có 03 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh N:* Ông Ngô Đa N, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long; nơi làm việc: Văn phòng Luật sư T - Chính Nghĩa, Số C, đường Lê Quang Đ, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 31/12/2020, Trương Văn B sinh ngày 08/9/2006 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 23/01/2006 ngồi chơi tại Công viên xã T thuộc Ấp R, xã T, huyện L thì bị 01 đối tượng tên Minh N (không rõ nhân thân lai lịch) dùng tay, chân, đấm và đá nhiều cái trúng vào người Trương Văn B và Nguyễn Gia B; sau đó, Minh N bỏ đi. Trương Văn B và Nguyễn Gia B đi đến nhà của Lê Minh C ở Ấp R, xã T, huyện L, Đồng Nai; tại đây, có Lê Minh C, Nguyễn Hòa T và Nguyễn Hà Đăng K, Nguyễn Gia B nói với Lê Minh C vừa bị Minh N đánh và rủ Lê Minh C cùng mọi người tìm Minh N, để đánh trả thù, cả nhóm đều đồng ý. Nguyễn Hòa T về nhà lấy 01 dao tự chế và 01 cây ba chĩa, mang theo. Cả nhóm gồm Trương Văn B, Nguyễn Gia B, Lê Minh Ch, Nguyễn Hòa T và Nguyễn Hà Đăng K, cùng đi đến Công viên xã T, tìm Minh N đánh nhưng không gặp, cả nhóm bỏ đi.

Một lúc sau, Minh N quay lại Công viên T thì gặp Lương Bảo Thành N cùng 01 người bạn tên P (không rõ lai lịch) đang chơi tại đây, Minh N cầm 01 con dao đuổi theo chém Lương Bảo Thành N, nên Lương Bảo Thành N bỏ chạy; sau đó, Minh N bỏ đi. Lương Bảo Thành N đi đến quán “Anh Duy” ở Ấp E, xã T thì gặp Đỗ Anh V, Đoàn Minh N, Nguyễn Minh T, Ngô Hoàng P, Phạm Công H, Đặng Ngọc B và một người tên H (thường gọi là Bình Đ, không rõ nhân thân, lai lịch); tại quán, Lương Bảo Thành N rủ cả nhóm đi đánh Minh N trả thù và được cả nhóm đồng ý. Nhân gọi điện thoại rủ Huỳnh Tấn H và hẹn H ra Công viên xã T đánh Minh N, H đồng ý. H điện thoại rủ Trần Vinh Q đi phụ đánh nhau với Lương Bảo Thành N, Q đồng ý, Hiện về nhà lấy 01 túi xách trong đó chứa 10 con dao tự chế và cầm túi xách chứa 10 dao tự chế lên xe mô tô Q chở đi ra Công viên xã T, để gặp nhóm của Lương Bảo Thành N. Lương Bảo Thành N tiếp tục gọi điện thoại cho Lê Thanh N và rủ Lê Thanh N đánh nhau với Minh N, Lê Thanh N đồng ý. Lê Thanh N rủ thêm Nguyễn Huỳnh Nhật N đi đánh

Minh N thì Nguyễn Huỳnh Nhật N cũng đồng ý và đi cùng với Lê Thanh N đến Công viên xã T.

Sau khi gọi điện thoại xong, Lương Bảo Thành N đi cùng Ngô Hoàng P về nhà mình lấy 03 con dao tự chế, 01 cây tıp sắt và 01 cây gậy tầm vông, đem đến quán “Anh Duy”; tại đây, mỗi người cầm lấy 01 loại hung khí, rồi cả nhóm gồm: Lương Bảo Thành N, Đỗ Anh V, Đoàn Minh N, Nguyễn Minh T, Ngô Hoàng P, Phạm Công H, Đặng Ngọc B, H và P, cùng đi đến Công viên xã T tìm Minh N, để đánh nhưng không gặp được Minh N.

Cùng trong thời gian này, nhóm của Nguyễn Gia B, Trương Văn B, Lê Minh C, Nguyễn Hòa T và Nguyễn Hà Đăng K không tìm được Minh N, nên quay về nhà Lê Minh C; lúc này, C gọi điện thoại qua facebook cho Minh N, hẹn ra đánh nhau tại Công viên xã T; nghe vậy, Nguyễn Hòa T cũng lấy điện thoại gọi cho Lê Đăng K, rủ K đến nhà C, để cùng đi đánh nhau với Minh N thì K đồng ý. Khi đi, K mang theo 03 con dao tự chế đi đến nhà C.

Khoảng 30 phút sau, Minh N đi 01 xe mô tô cùng 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân) tìm đến nhà C; tại đây, Minh N cầm 01 con dao chạy vào chém nhau với C nhưng không trúng, thấy nhóm của C đông người nên Minh N lên xe mô tô bỏ đi. Thấy Minh N bỏ đi, thì nhóm của C gồm: Lê Đăng K, Trương Văn B, Lê Minh C, Nguyễn Hòa T và Nguyễn Hà Đăng K đuổi theo (riêng Nguyễn Gia B không tham cùng nhóm).

Trên đường đuổi theo Minh N thì nhóm của C gặp nhóm của Lương Bảo Thành N, cả 02 nhóm tập hợp lại, cùng đi đến Công viên T, để tìm đánh Minh N. Khi đến Công viên T nhưng không gặp Minh N; lúc này, lực lượng Công an xã T đi tuần tra phát hiện thì cả nhóm bỏ chạy và vứt bỏ lại hung khí trên đường. Công an xã T tiến hành xác minh, triệu tập các đối tượng đến làm việc, lập hồ sơ chuyển Công an huyện L giải quyết theo thẩm quyền.

2. Giám định:

Tại Bản kết luận giám định số: 585/C09B của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/01/2021, kết luận:

- Các mẫu cần giám định: 03 dao tự chế dài 116 cm (cán bằng gỗ màu vàng, lưỡi bằng kim loại dài 57 cm); 01 dao tự chế dài 60 cm (cán bằng gỗ màu vàng, lưỡi bằng kim loại dài 47 cm); 02 dao tự chế dài 60 cm (cán bằng gỗ màu vàng, lưỡi bằng kim loại dài 47 cm); 02 dao tự chế dài 77 cm (cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 40 cm); 01 dao tự chế dài 80 cm (cán bằng kim loại quán băng keo đen, lưỡi bằng kim loại dài 59 cm); 01 dao tự chế dài 85 cm (cán bằng kim

loại, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm); 01 dao tự chế dài 43 cm (cán bằng gỗ bọc kim loại màu vàng, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm); 01 ống sắt tròn dài 120 cm; 01 ống sắt vuông dài 70 cm.

- Kết luận về đối tượng giám định: Các vật chứng trong mẫu cần giám định khi tác động lên cơ thể người nếu gây thương tích là hung khí nguy hiểm.

3. Vật chứng:

11 dao tự chế, 02 ống sắt, 01 xe mô tô thu giữ của Đặng Ngọc B, 01 xe ô tô thu giữ của Trần Vinh Q và 01 điện thoại di động thu giữ của Lương Bảo Thành N.

4. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 213/2022/HS-ST ngày 27-12-2021 và Quyết định đính chính, bổ sung bản án số: 54/2022/QĐ-ĐCBS ngày 07-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện L, đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Lương Bảo Thành N, Lê Minh C, Đoàn Minh N, Ngô Hoàng P, Đặng Ngọc B, Nguyễn Hòa T, Huỳnh Tấn H, Đỗ Anh V, Nguyễn Minh T, Phạm Công H, Trần Vinh Q, Lê Thanh N, Nguyễn Huỳnh Nhật N và Lê Đăng K phạm tội “Cố ý gây thương tích”, theo khoản 6 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt các bị cáo Lương Bảo Thành N và Lê Minh C, mỗi bị cáo 04 (bốn) tháng tù.

- Xử phạt các bị cáo Đoàn Minh N, Ngô Hoàng P và Đặng Ngọc B, mỗi bị cáo 03 (ba) tháng tù.

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Hòa T, Lê Đăng K, Đỗ Anh V và Huỳnh Tấn H, mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Minh T, Phạm Công H, Trần Vinh Q, Lê Thanh N và Nguyễn Huỳnh Nhật N, mỗi bị cáo 05 (năm) tháng tù.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

5. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Lương Bảo Thành N, Lê Đăng K, Huỳnh Tấn H, Đỗ Anh V, Đoàn Minh N, Nguyễn Minh T, Ngô Hoàng P, Phạm Công H, Đặng Ngọc B, Trần Vinh Q và Lê Thanh N, kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị được xử phạt cải tạo không giam giữ hoặc được hưởng án treo.

6. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, theo khoản 6 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Hình phạt của cấp sơ thẩm đối với các bị cáo là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

7. Trình bày của người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh N tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên nhân của vụ án là do xuất phát từ việc gây sự của đối tượng tên Minh N, nên các bị cáo mới bức xúc, chuẩn bị hung khí như bản án sơ thẩm đã mô tả; trong đó, bị cáo Lê Thanh N giữ vai trò thứ yếu. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có một số phạm tội khi chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đều có hoàn cảnh khó khăn, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Lý lịch bị cáo:

Theo Căn cước công dân số: 07520302075x, cấp ngày 31-8-2021, xác định lại nơi đăng ký thường trú của bị cáo Ngô Hoàng P như sau: “*Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai*”.

Theo trình bày của bị cáo Lê Thanh N tại phiên tòa và căn cứ Giấy khai sinh số 30, quyển số 01/04 ngày 06-4-2004 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (đăng ký quá hạn), xác định lại phân tên cha mẹ của bị cáo như sau: “*không rõ cha, mẹ tên Lê Thị N*”.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo có kháng cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, theo khoản 6 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Cấp sơ thẩm xác định các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tuy nhiên, tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng chưa được áp dụng là có thiếu sót, nên điều chỉnh cho phù hợp. Áp dụng cho các bị cáo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Bị cáo Lê Thanh N cung cấp đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và là lao động chính trong gia đình. Áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.3. Về hình phạt:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện vụ án, quyết định hình phạt đối với các bị cáo là đã xem xét và giảm nhẹ. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tình tiết đặc biệt nào mới; do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh N tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Bảo Thành N, Lê Đăng K, Huỳnh Tấn H, Đỗ Anh V, Đoàn Minh N, Nguyễn Minh T, Ngô Hoàng P, Phạm Công H, Đặng Ngọc B, Trần Vinh Q và Lê Thanh N.

Sửa một phần về lý lịch bị cáo và áp dụng pháp luật, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 213/2022/HS-ST ngày 27-12-2021 và Quyết định đính chính, bổ sung bản án số: 54/2022/QĐ-ĐCBS ngày 07-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Tội danh và hình phạt:

1.1. Các bị cáo Lương Bảo Thành N, Đoàn Minh N, Ngô Hoàng P và Đặng Ngọc B:

Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt các bị cáo sau đây về tội “Cố ý gây thương tích”:

- Xử phạt bị cáo Lương Bảo Thành N 04 (bốn) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Đoàn Minh N 03 (ba) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Ngô Hoàng P 03 (ba) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc B 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù đối với các bị cáo bị xử phạt nêu trên tính từ ngày người bị kết án vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

1.2. Các bị cáo Lê Đăng K, Đỗ Anh V, Huỳnh Tấn H, Nguyễn Minh T, Phạm Công H, Trần Vinh Q và Lê Thanh N:

Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 đối với bị cáo Lê Thanh N) Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt các bị cáo sau đây về tội “Cố ý gây thương tích”:

- Xử phạt bị cáo Lê Đăng K 06 (sáu) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Đỗ Anh V 06 (sáu) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn H 06 (sáu) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 05 (năm) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Phạm Công H 05 (năm) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Trần Vinh Q 05 (năm) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Lê Thanh N 05 (năm) tháng tù.

Thời hạn tù đối với các bị cáo bị xử phạt nêu trên tính từ ngày người bị kết án vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí:

Các bị cáo Lương Bảo Thành N, Lê Đăng K, Huỳnh Tấn H, Đỗ Anh V, Đoàn Minh N, Nguyễn Minh T, Ngô Hoàng P, Phạm Công H, Đặng Ngọc B, Trần Vinh Q và Lê Thanh N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện L;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện L;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Phòng Hồ sơ - Công an các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiên Giang, Tiền Giang và Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành